

Số: /ĐA - UBND

Thọ Xuân, ngày tháng năm 2021

ĐỀ ÁN

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn theo chuỗi giá trị, giai đoạn 2021 - 2025

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

A. CƠ SỞ THỰC TIỄN BAN HÀNH ĐỀ ÁN

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Giai đoạn 2016 - 2020, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện gặp nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của thời tiết, dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, giá cả thị trường biến động,... ; đặc biệt là dịch Covid 19 trên người, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi đã tác động bất lợi đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống Nhân dân. Song, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, cùng với sự phối hợp chặt chẽ, tích cực của các cấp, các ngành, sự nỗ lực phấn đấu của toàn ngành Nông nghiệp và bà con nông dân nên nông nghiệp huyện đã đạt được những kết quả quan trọng; Tốc độ tăng trưởng sản xuất nông nghiệp bình quân 1,7%/năm; Sản lượng lương thực bình quân hàng năm đạt trên 123.000 tấn; giá trị sản phẩm trên 1ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2020 là 119,6 triệu đồng =119,6% KH.

1. Về trồng trọt

*** Các loại cây trồng chính**

- *Cây lương thực có hạt (lúa, ngô)*: Tổng diện tích năm 2020 là: 19.333 ha giảm 1.751ha so với năm 2015; sản lượng năm 2020 là: 119.062 tấn giảm 12.238 tấn so với năm 2015. Đến nay đã có 9,2% (1.200 ha) diện tích vùng lúa thâm canh năng suất, chất lượng cao sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, VietGAP. Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất: Cây lúa (DT làm đất 100%, gieo trồng và chăm sóc 30%, thu hoạch 95%, vận chuyển 100%); Cây ngô (Làm đất 100%, gieo trồng và chăm sóc 5%; thu hoạch ngô 0%; vận chuyển 95%).

- *Cây mía*: Diện tích mía niên vụ 2020-2021 là 1.676 ha (giảm 1.245 ha so với niên vụ 2014 - 2015) bằng 83,8% KH (2.000 ha), năng suất 65 tấn/ha = 81,2% KH (80 tấn/ha). Cơ giới hóa làm đất 100%, trồng và chăm sóc 40%, thu hoạch-bốc xếp 30%.

- *Cây rau màu có hiệu quả cao (Ngô ngọt, ớt, bí, dưa,...)*: Diện tích các loại cây xuất khẩu năm 2020 là 782 ha = 156,4% KH (500 ha).

- *Sản xuất rau an toàn*: Diện tích năm 2020 là 39,5 ha = 39,5% KH (100ha). Đã có 30% (11,8 ha) diện tích vùng sản xuất rau an toàn tập trung được các HTX, chuỗi cửa hàng, siêu thị tiêu thụ; trong đó 50% diện tích rau sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.

- *Cây ăn quả tập trung*: Diện tích cây ăn quả năm 2020 là 1.433,4 ha (tăng 451) ha so với năm 2015, chủ yếu là các loại cây ăn quả có múi. Đến nay đã hình thành vùng sản xuất cây ăn quả tập trung với diện tích 360 ha (tăng 315 ha). Có 11,1% (40 ha) diện tích cây ăn quả tập trung được doanh nghiệp, HTX liên kết với các hộ dân sản xuất và tiêu thụ; 13,8% diện tích (50 ha) diện tích cây ăn quả tập trung được chứng nhận VietGAP.

- *Cây dược liệu*: Đến năm 2020 diện tích cây dược liệu là 105 ha = 52,2% KH (200 ha). Hiện nay 100% diện tích cây dược liệu trên địa bàn được Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Sen Nhật liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm.

*** Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**

- Đến nay, đã có 21 trang trại trồng trọt với tổng diện tích là 100,11ha, chiếm 0,51% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng của toàn huyện, doanh thu từ 1- 3 tỷ đồng/năm. Các mô hình ứng dụng công nghệ cao được nhân rộng như: Sản xuất hoa, rau, quả trong nhà màng, nhà lưới theo công nghệ Isarel với tổng diện tích 37,04 ha = 74,08% KH (50 ha); đã hình thành 13 cơ sở sản xuất mạ khay cây máy, đáp ứng cho trên 30% diện tích gieo trồng lúa trên địa bàn huyện; mô hình trồng cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGAP; mô hình tưới nước nhỏ giọt trên cây ăn quả, cây mía,....

- Nhiều dự án đã được triển khai thực hiện với tổng kinh phí đầu tư dự kiến trên 500 tỷ đồng; có 35 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao¹, trung bình 01 ha sản xuất dưa vàng trong nhà màng, nhà lưới cho lợi nhuận từ 600 - 800 triệu đồng, cao hơn gấp 30 - 40 lần so với trồng lúa và mía; 01 ha trồng cây ăn quả có múi cho lợi nhuận từ 300 - 500 triệu đồng cao hơn gấp 20 lần so với trồng lúa và mía.

Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao năm 2020 chiếm 31% giá trị sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện.

2. Về chăn nuôi và Nuôi trồng thủy sản.

- Chăn nuôi nông hộ chiếm (60-65%). Tỷ lệ đàn bò lai chiếm 98% tổng đàn, tăng 4% so với năm 2015, tổng đàn bò 10.779 con bằng 63,4% KH (17.000 con); tổng đàn lợn năm 2020 đạt 47.299 con = 78,8% KH (60.000 con), sản lượng thịt hơi 9.070 tấn; Chăn nuôi gia cầm theo hướng kiêm dụng thịt, trứng phục vụ sinh hoạt gia đình và kinh doanh, tổng đàn đạt 1,353 triệu con bằng 104% KH (1,3 triệu con), sản lượng thịt hơi 4.300 tấn.

- Đến năm 2020, có 213 trang trại bằng 85,2% KH (250 trang trại). Nhiều trang trại đã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất như: ứng dụng công nghệ chuồng kín, máng ăn, máng uống tự động, đệm lót sinh học, sử dụng công nghệ xử lý chất thải, có 25 trang trại chăn nuôi lợn ngoại ứng dụng công nghệ cao (tăng 14 trang trại so với năm 2015) = 83,3% KH (30 trang trại), 04 trang trại thực hiện liên kết với doanh nghiệp; 45 trang trại chăn nuôi gà ứng dụng đệm lót sinh học, chuồng kín (tăng 34 trang trại so với năm 2015), trong đó 33 trang trại liên kết bao tiêu sản phẩm với doanh nghiệp. Tỷ lệ giá trị sản phẩm ngành chăn

¹ Tại các xã: Thọ Lâm (05 mô hình), Xuân Hòa (04 mô hình), Xuân Hồng (03 mô hình),....

nuôi ứng dụng công nghệ cao năm 2020 chiếm 32,1% giá trị sản phẩm của ngành. Hiện nay đã có 03 doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi.

- Diện tích nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 đạt 930 ha (tăng 425 ha so với năm 2015), sản lượng đạt 2.232 tấn, đã hình thành được các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung².

3. Lâm nghiệp

- Phát triển theo hướng đẩy mạnh khoanh nuôi, tái sinh rừng, khai thác có hiệu quả diện tích rừng hiện có, bảo vệ môi trường sinh thái. Quan tâm đến công tác bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Diện tích rừng đủ tiêu chuẩn để tính độ che phủ toàn huyện là 2.632,5 ha, độ che phủ tương ứng là 9% = 100% KH đề ra.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH VÀ CÁC NỘI DUNG HỖ TRỢ CỦA HUYỆN, GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Các cơ chế, chính sách của tỉnh ban hành

Tổng kinh phí thực hiện các chính sách trên địa bàn huyện 67.641,369 triệu đồng.

1.1. Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 4/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ: Kinh phí đã hỗ trợ 9.260,569 triệu đồng; hỗ trợ thụ tinh nhân tạo cho đàn trâu, bò và lợn; mua trâu, bò, lợn đực giống; xử lý chất thải trong chăn nuôi; đào tạo công tác thụ tinh nhân tạo và cấp bình ni tơ bảo quản tinh trong phối giống cho các hộ chăn nuôi (*Có phụ biểu 01 kèm theo*).

1.2. Chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi theo Quyết định số 5637/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Kinh phí đã hỗ trợ 9.770 triệu đồng; Hỗ trợ sản xuất hạt giống lúa lai F1 và giống lúa thuần chất lượng; Hỗ trợ giống gốc vật nuôi (*Có phụ biểu 02 kèm theo*).

1.3. Chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Quyết định số 5643/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Kinh phí đã hỗ trợ 48.610,8 triệu đồng; Hỗ trợ xây dựng vùng lúa thâm canh năng suất, chất lượng, hiệu quả cao tại các xã miền núi; Hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung; Hỗ trợ mua máy thu hoạch mía và hệ thống tưới mía mặt ruộng; Hỗ trợ sản xuất tập trung quy mô lớn (*Có phụ biểu 02 kèm theo*).

2. Các nội dung hỗ trợ của huyện

Giai đoạn 2016 - 2020, với tổng kinh phí hỗ trợ 14.600 triệu đồng huyện đã tập trung xây dựng các mô hình theo Nghị quyết của HĐND huyện hàng năm. Kết quả thực hiện như sau:

2.1. Hỗ trợ cơ sở sản xuất mạ khay:

² Vùng Đồng Xón xã Trường Xuân 73 ha, Đồng Ngâu xã Nam Giang 35 ha, Đồng Trí xã Xuân Hòa 17,25 ha, Khu Mau Lợi xã Xuân Lập 25 ha; vùng sản xuất cá giống tại xã Xuân Hồng với diện tích 3,5 ha, sản lượng cá bột hàng năm khoảng 110,5 triệu con.

a, Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ mua máy gieo hạt, khay để sản xuất mạ cho các HTX nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất trên địa bàn huyện, mỗi HTX được hỗ trợ 100 triệu đồng.

b, Thời gian thực hiện: Năm 2016.

c, Kết quả thực hiện: Hỗ trợ mua máy gieo hạt, khay để sản xuất mạ cho 4 HTX. Tổng số tiền hỗ trợ: 400 triệu đồng.

d, Hiệu quả và mức độ hài lòng: Chính sách đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, giúp giải phóng tối đa sức lao động, giảm áp lực về thời vụ, rút ngắn thời gian gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch, góp phần thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất. Số cơ sở sản xuất mạ khay, cấy máy tăng lên từ 3 cơ sở năm 2015 lên 13 cơ sở năm 2020³.

2.2. Hỗ trợ hạ tầng mô hình cây ăn quả, khu trang trại tập trung:

a, Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ hạ tầng vào khu vực trồng cây ăn quả tập trung, khu trang trại tập trung, mức hỗ trợ: 500 triệu/mô hình.

b, Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

c, Kết quả thực hiện: Hỗ trợ xây dựng 7 hạ tầng vào khu vực trồng cây ăn quả tập trung, khu trang trại tập trung

d, Hiệu quả và mức độ hài lòng:

- Phát triển cây ăn quả là một trong những hướng đi quan trọng góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho người nông dân. Đã hình thành các vùng có diện tích tập trung, quy mô lớn, đầu tư thâm canh, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật nên giá trị trên đơn vị diện tích cao hơn nhiều lần so với các loại cây trồng khác.

- Các nội dung hỗ trợ đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, khuyến khích các hộ trong vùng sản xuất mở rộng diện tích, đầu tư thâm canh, giao lưu hàng hóa, thu hút thêm khách tham quan học tập vì vậy được người dân đồng tình ủng hộ.

Để tiếp tục khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, quy mô lớn, giai đoạn 2021 - 2025 cần tiếp tục đề xuất hỗ trợ hạ tầng cho các khu trang trại tập trung.

2.3. Mô hình sản xuất rau, củ, quả, hoa trong nhà màng, nhà lưới:

a, Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ xây dựng nhà lưới sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

+ Diện tích từ 1 ha đến dưới 02 ha, hỗ trợ 400 triệu đồng

+ Diện tích từ 02 ha đến dưới 05 ha, hỗ trợ 600 triệu đồng

+ Diện tích từ 05 ha trở lên, hỗ trợ 1.000 triệu đồng

b, Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2020.

c, Kết quả thực hiện: Đã thực hiện 30.368 m².

³ Tại các xã Trường Xuân, Thọ Xương, Xuân Minh, Xuân Hồng, Xuân Hòa, Xuân Tín, TT. Lam Sơn, Xuân Lai, Quảng Phú, Xuân Trường, Xuân Lập.

d, Hiệu quả và mức độ hài lòng:

Xây dựng mô hình sản xuất nhà lưới đem lại hiệu quả kinh tế do tiết kiệm chi phí chăm sóc, cây rau sinh trưởng phát triển tốt, mẫu mã rau đáp ứng được yêu cầu của người tiêu dùng, sản phẩm sản xuất ra được kiểm soát về chất lượng, có nguồn gốc, địa chỉ rõ ràng, nâng cao tính chủ động trong cung cấp, tiêu thụ sản phẩm. Thu nhập cao hơn gấp nhiều lần so với sản xuất cây lúa, gấp 2 lần so với sản xuất rau truyền thống trên cùng đơn vị diện tích. Vì vậy rất được người dân đồng tình ủng hộ.

Mô hình sản xuất rau, củ, quả, hoa an toàn trong nhà màng, nhà lưới đã và đang mang lại hiệu quả kinh tế cao cho các hộ sản xuất. Vì vậy tiếp tục đề xuất nội dung hỗ trợ này giai đoạn 2021 - 2025.

2.4. Hỗ trợ máy sấy phục vụ sản xuất lúa giống:

a, Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ một phần kinh phí mua máy sấy lúa, mức hỗ trợ bằng 30% giá trị máy ghi trên hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính (bao gồm cả thuế VAT) nhưng không quá 200 triệu đồng.

b, Thời gian thực hiện: 2017 - 2020

c, Kết quả thực hiện: Hỗ trợ 4 HTX mua máy sấy.

d, Hiệu quả và mức độ hài lòng:

Việc hỗ trợ mua máy sấy nông sản cho HTX dịch vụ nhằm phát huy vai trò cung cấp dịch vụ nông nghiệp và là đầu mối liên kết giữa người nông dân và doanh nghiệp thu mua, chế biến nông sản. Đồng thời tạo điều kiện nhân rộng mô hình sản xuất lúa giống tập trung theo mô hình cánh đồng mẫu lớn, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh cơ giới hóa trong nông nghiệp, mang lại hiệu quả kinh tế cao và ổn định trên đơn vị diện tích. Hiện tại vào mỗi vụ sản xuất máy sấy hoạt động trong vòng vòng 10 - 15 ngày với công suất 30 tấn/ngày, giá thành sấy 10 tấn lúa là 700.000 đồng giảm được 30% chi phí so với phơi sấy thủ công.

IV. HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN:

1. Hạn chế, yếu kém

- Ngành nông nghiệp tuy tăng trưởng khá nhưng thiếu bền vững; chưa hình thành được nhiều vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như kỳ vọng; năng suất một số sản phẩm còn thấp, chất lượng không ổn định, giá thành cao, thiếu khả năng cạnh tranh; liên kết trong sản xuất theo chuỗi giá trị gặp nhiều khó khăn; vùng mía nguyên liệu hiệu quả kinh tế thấp.

- Doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là khâu chế biến, bảo quản sau thu hoạch còn ít; thủ tục thuế, chuyên nhượng, góp đất sản xuất trong công tác tích tụ, tập trung đất đai còn nhiều bất cập đến nay vẫn chưa có giải pháp cụ thể để khắc phục; đầu ra cho các sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn, chưa có liên kết bao tiêu sản phẩm nên giá cả không ổn định.

- Số lượng trang trại ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, chế biến bảo quản còn hạn chế, chưa thu hút được nguồn nhân lực, lao động có trình độ, tay

nghề cao; lao động của các trang trại chủ yếu là lao động gia đình; khả năng quản lý sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, liên kết tiêu thụ sản phẩm còn yếu.

- Nguồn kinh phí của huyện bố trí thực hiện các nội dung hỗ trợ hàng năm còn thấp, chưa đáp ứng đủ nhu cầu của các địa phương.

- Điều kiện để được thụ hưởng một số nội dung hỗ trợ cao, dẫn đến đối tượng tham gia khó đáp ứng yêu cầu như: Hỗ trợ thực hiện mô hình tích tụ, tập trung đất đai theo Nghị quyết số 92/NQ-HĐND, ngày 26/12/2019, Hỗ trợ mô hình tích tụ ruộng đất thu hút doanh nghiệp vào sản xuất thâm canh lúa theo cánh đồng lớn (diện tích từ 30 ha trở lên) theo Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016; một số nội dung hỗ trợ chưa thực sự phát huy hiệu quả như hỗ trợ mô hình tích tụ đất liên kết sản xuất mía nguyên liệu;...

- Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất hiện nay; đặc biệt là hệ thống cơ sở bảo quản, sơ chế, chế biến, tiêu thụ nông lâm sản,....

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Do ảnh hưởng của thời tiết, dịch COVID 19, dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm diễn biến phức tạp, giá cả thị trường biến động,...

- Cơ chế, thủ tục cho vay vốn ưu đãi còn gặp nhiều khó khăn.

- Nông nghiệp và nông thôn là khu vực dễ bị tổn thương, rủi ro cao nên chưa có sức hút đối với các nhà đầu tư.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Trung ương, tỉnh; các nội dung hỗ trợ của huyện tại một số địa phương còn hạn chế; cán bộ theo dõi chính sách ở một số địa phương chưa nghiên cứu kỹ, chưa nắm bắt hết các nội dung, quy định của các chính sách để hướng dẫn cho các tổ chức, trang trại, hộ gia đình, cá nhân đăng ký, tổ chức thực hiện khi được giao kế hoạch.

- Công tác lãnh, chỉ đạo điều hành trong sản xuất nông nghiệp của một số cấp uỷ, chính quyền địa phương còn thiếu quyết liệt; sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ, kết hợp với tập quán canh tác truyền thống đã ăn sâu trong tâm trí người nông dân nên việc thay đổi phương thức sản xuất cũng như nhận thức của người dân trong sản xuất nông nghiệp và công tác tích tụ, tập trung đất đai còn nhiều hạn chế.

- Sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC trên địa bàn huyện mới tập trung chủ yếu vào việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản. Việc ứng dụng công nghệ sinh học, tự động hóa, các quy trình canh tác tiên tiến (ICM, VietGAP)... trong sản xuất nông nghiệp để sản xuất ra các sản phẩm nông sản chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm còn ít; hình thức liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm mới bước đầu hình thành.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Phát triển nông nghiệp toàn diện, ứng dụng công nghệ cao vào xuất gắn với

xây dựng NTM, giai đoạn 2016-2020 đã được triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ và đạt được những kết quả khá toàn diện trên các lĩnh vực, góp phần tích cực chuyển đổi cơ cấu kinh tế của huyện: Cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng chăn nuôi và thủy sản ngày càng tăng. Tích tụ, tập trung đất đai được đẩy mạnh, từng bước hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn và theo chuỗi giá trị trong nông nghiệp; nhiều tiến bộ khoa học công nghệ, cơ giới hóa được ứng dụng vào sản xuất; một số sản phẩm truyền thống bước đầu xây dựng được thương hiệu; các nguồn lực được tập trung huy động và sử dụng hiệu quả; hạ tầng cho sản xuất nông nghiệp được đầu tư nâng cấp, năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất được nâng lên; các hình thức tổ chức sản xuất mới, có hiệu quả cao được nhân rộng. Đặc biệt các nội dung hỗ trợ của huyện trong thời gian qua đã được các địa phương, doanh nghiệp và người dân đồng tình ủng hộ; triển khai thực hiện tích cực, có hiệu quả, góp phần tích tụ ruộng đất, phát triển sản xuất hàng hóa theo hướng quy mô lớn, tập trung, khuyến khích đầu tư cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh cơ giới hóa các khâu trong sản xuất, nâng cao chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, chuyển đổi cơ cấu giống, chủ động được nguồn giống tốt....

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những hạn chế là: cơ cấu lại ngành nông nghiệp còn chậm; các vùng chuyên canh, sản xuất tập trung quy mô lớn còn hạn chế; ít có sản phẩm chế biến sâu, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp; thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và PTNT chưa tương xứng với tiềm năng của huyện; cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn mới; mới chỉ tập trung hỗ trợ vật tư đầu vào là chủ yếu; việc hỗ trợ đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm còn thấp; việc thu hút doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất nông nghiệp còn hạn chế,...

Từ thực trạng và những tồn tại, nêu trên, để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn theo chuỗi giá trị, giai đoạn 2021 - 2025 thì việc xây dựng Đề án ***“Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn theo chuỗi giá trị, giai đoạn 2021 - 2025”*** là thực sự cần thiết.

B. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỀ BAN HÀNH ĐỀ ÁN

- Quyết định số 4145/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành bộ tiêu chí về sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025;

- Chương trình số 27-CTr/Hu ngày 5/10/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Thọ Xuân về phát triển nông nghiệp toàn diện, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất gắn với xây dựng NTM, giai đoạn 2016 - 2020; Chương trình số 69-CTr/HU ngày 20/5/2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 29/9/2016 của UBND huyện Thọ Xuân về thực hiện khâu đột phá trong phát triển nông nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ, hình thành vùng nông nghiệp công nghệ cao và nâng cao giá trị sản xuất, giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 03/6/2019 của UBND huyện Thọ Xuân về thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Nghị quyết Đại hội đảng bộ huyện lần thứ XXVII nhiệm kỳ 2020-2025; Chương trình số 18-CTr/HU ngày 10/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXVII;

- Quyết định số 773 - QĐ/HU, ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXVII về việc ban hành Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn theo chuỗi giá trị giai đoạn 2021- 2025.

Phần thứ hai

NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, hình thành các chuỗi giá trị, gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm, nâng cao chất lượng hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Phân đầu đến năm 2025, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của huyện đứng đầu toàn tỉnh, góp phần đưa huyện Thọ Xuân trở thành một trong 3 huyện dẫn đầu của tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp 3,4%/năm.
- Tỷ lệ giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy mô lớn chiếm 51,5% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp, trong đó: trồng trọt chiếm 58%, chăn nuôi chiếm 39,9%, thủy sản 2,1%.
- Giá trị sản phẩm trên 01 ha diện tích canh tác và NTTS đến năm 2025 đạt 160 triệu đồng.
- Thu nhập khu vực nông thôn, bình quân đầu người/năm đến năm 2025 đạt 68 triệu đồng/người/năm trở lên.
- Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2025 đạt 970ha trở lên, trong đó: Trồng trọt 870 ha, chăn nuôi 100 ha (xây dựng 03 mô hình điểm về tích tụ, tập trung đất đai).
- Giai đoạn 2021-2025, thu hút 10 doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp trong đó: 02 doanh nghiệp đầu tư vào liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa gạo tại xã Xuân Minh, Xuân Lập; 02 doanh nghiệp đầu tư vào liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm rau, củ, quả an toàn tại xã Thọ Hải, Trường Xuân; 02 doanh nghiệp

đầu tư vào liên kết sản xuất và bao tiêu lợn thịt, gà thịt tại xã Xuân Hồng, Xuân Minh; 02 doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến, tiêu thụ sản phẩm tại xã Xuân Phú; 02 doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao gắn với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm tại xã Xuân Phú, Thọ Lập.

- Phối hợp với các doanh nghiệp xây dựng vùng sản xuất lúa theo hướng hữu cơ đến năm 2025 đạt 200 ha/năm.

- Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận gạo Thọ Xuân (Sản xuất theo hướng hữu cơ).

- Xây dựng 18 sản phẩm đạt sản phẩm OCOP cấp tỉnh (3 - 4 sao) và 01 sản phẩm đạt sản phẩm cấp Quốc gia (5 sao).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tích tụ tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn.

- Xây dựng Dự án “Hệ sinh thái đất nông nghiệp, làng nghề huyện Thọ Xuân” để từ đó kêu gọi các nhà đầu tư vào sản xuất nông nghiệp.

- Quy hoạch mới và phát triển các vùng sản xuất như: Vùng trồng cây gai xanh tại các xã Thọ Lâm, Thọ Xương, Thọ Diên, Quảng Phú, Thọ Lập; vùng sản xuất lúa theo hướng hữu cơ tại các xã Xuân Hồng, Xuân Sinh, Xuân Tín, Xuân Minh, Xuân Lập, Xuân Lai, Trường Xuân; vùng sản xuất cây thức ăn chăn nuôi tại Quảng Phú, Thuận Minh, Thọ Lập, Xuân Tín; vùng sản xuất cây dược liệu, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng nuôi trồng thủy sản,.... Hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, hộ gia đình cá nhân tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất lúa theo hướng hữu cơ, sản xuất cây thức ăn chăn nuôi.

- Chính quyền các cấp từ huyện tới cơ sở tập trung lãnh chỉ đạo công tác tích tụ, tập trung đất đai nhằm khắc phục tình trạng ruộng đất nhỏ lẻ, manh mún, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn; tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đầu tư sản xuất nông nghiệp hàng hóa công nghệ cao nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hóa theo 3 vùng kinh tế động lực:

+ Vùng Lam Sơn - Sao Vàng: Tích tụ, tập trung đất đai thêm 282ha để hình thành và phát triển nông nghiệp công nghệ cao kết hợp với phát triển dịch vụ du lịch văn hóa, lịch sử và sinh thái. Xây dựng 01 mô hình về phát triển nông nghiệp công nghệ cao kết hợp với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm tại xã Xuân Phú.

+ Vùng Đông hữu ngạn sông Chu: Tích tụ, tập trung đất đai thêm 278ha để hình thành và phát triển các vùng sản xuất các sản phẩm có lợi thế là: Cây lương thực (lúa), rau an toàn tập trung, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng 01 mô hình điểm (cánh đồng mẫu lớn từ 30ha trở lên) để sản xuất lúa theo hướng hữu cơ.

+ Vùng tả ngạn sông Chu: Tích tụ, tập trung đất đai thêm 410ha để phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp an toàn, chất lượng cao với các sản phẩm thế mạnh là cây lúa (lúa VietGAP, lúa theo hướng hữu cơ), các loại cây xuất khẩu vụ Đông (Ngô ngọt, ốt,...), cây công nghiệp (mía), cây thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi đại gia súc, nuôi trồng thủy sản kết hợp với phát triển dịch vụ du lịch văn hóa, lịch sử và sinh thái. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng 01

mô hình điểm (cánh đồng mẫu lớn từ 30ha trở lên) để sản xuất lúa theo hướng hữu cơ.

- Phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn:

+ Hỗ trợ cho UBND các xã, thị trấn để hoàn thiện hệ thống giao thông nội đồng, hệ thống đường điện các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, thuận tiện cho việc vận chuyển vật tư và tiêu thụ sản phẩm như: Khu Vân Đức xã Xuân Minh, Khu Chùa Chét xã Xuân Giang, Khu Đồi 32 xã Xuân Hưng, Khu Mau Lợi xã Xuân Lập, khu đồng ngâu xã Nam Giang, khu đồng Nhòn xã Xuân Tín, vùng đất bãi Liên Phô xã Xuân Hồng, Vùng bãi miềng xã Xuân Bái,....

- UBND các xã, thị trấn, các HTXDVNN có vai trò là cầu nối giữa các hộ sản xuất và các đơn vị có nhu cầu được thuê đất hay tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn theo chuỗi giá trị.

2. Ứng dụng và chuyển giao công nghệ các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất

- Xây dựng các mô hình sản xuất thử, khảo nghiệm trong nông nghiệp. Triển khai sản xuất đại trà bằng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao cùng với quy trình canh tác đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP. Ưu tiên đầu tư phát triển nhóm sản phẩm có lợi thế của huyện như: Lúa, gạo; rau, củ, quả an toàn; cây ăn quả (cam, bưởi tập trung); gà thịt lông màu; thịt lợn.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn về chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp. Tổ chức tập huấn diện rộng cho cán bộ kỹ thuật, các hộ gia đình, chủ trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp về vai trò, tác dụng cơ giới hóa nông nghiệp; kỹ năng trong quản lý, vận hành, bảo dưỡng máy, thiết bị cơ giới hóa nông nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông và chuyển giao tiến bộ KHKT đến người dân; đặc biệt là các tiến bộ về chế biến, bảo quản sau thu hoạch; trong đó Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện phối hợp với các đơn vị có liên quan trực tiếp chuyển giao các TBKHKT mới, các ứng dụng CNC trong sản xuất cho các hộ dân trên địa bàn.

- Hình thành vùng nông nghiệp công nghệ cao dọc đường Hồ Chí Minh và các tuyến đường Quốc lộ, đưa Thọ Xuân trở thành vùng trọng điểm nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh. Hỗ trợ cho các hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân xây dựng nhà màng, nhà lưới để sản xuất rau, củ, quả an toàn giai đoạn 2021-2025.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX, hộ gia đình cá nhân xây dựng hệ thống tưới trong sản xuất cây thức ăn chăn nuôi giai đoạn 2021-2025.

3. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất

- Tập trung đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng phát triển hợp tác, liên kết giữa doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác và người dân trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò nòng cốt định hướng sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, hỗ trợ đầu vào và thu mua sản phẩm cho nông dân, từng bước tiến tới xây dựng thương hiệu sản phẩm nông sản.

- Thành lập mới các HTX sản xuất nông nghiệp kiểu mới gắn với tích tụ,

tập trung đất đai để đẩy mạnh liên kết phát triển vùng nguyên liệu cung cấp cho doanh nghiệp chế biến, tạo thành các chuỗi giá trị sản xuất, chế biến và tiêu thụ, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp; Đào tạo, nâng cao năng lực quản lý, điều hành, năng lực thị trường cho cán bộ HTX.

- Hỗ trợ các Doanh nghiệp tích tụ, tập trung đất đai để đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Phấn đấu trong giai đoạn 2021-2025, thu hút mới 10 doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (02 doanh nghiệp đầu tư vào liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa gạo tại xã Xuân Minh, Xuân Lập; 02 doanh nghiệp đầu tư vào liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm rau, củ, quả an toàn tại xã Thọ Hải, Trường Xuân; 02 doanh nghiệp đầu tư vào liên kết sản xuất và bao tiêu lợn thịt, gà thịt tại xã Xuân Hồng, Xuân Minh; 02 doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến, tiêu thụ sản phẩm tại xã Xuân Phú; 02 doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao gắn với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm tại xã Xuân Phú, Thọ Lập).

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận đất đai để đầu tư sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa quy mô lớn, công nghệ cao. Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư không cần thiết; thường xuyên tổ chức đối thoại với doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Tăng cường quản lý vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp và chất lượng sản phẩm; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, bảo vệ uy tín của doanh nghiệp.

4. Xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp

Tiếp tục quan tâm hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, sản phẩm OCOP cho các sản phẩm chính trên địa bàn huyện theo từng vùng như:

- Vùng Lam Sơn - Sao Vàng, xây dựng 05 sản phẩm OCOP (Bưởi Luận Văn, Dưa lê Điền Trạch, Dưa vàng Điền Trạch, Dưa lưới Akita, thịt xông khói).

- Vùng Đông hữu ngạn sông Chu, xây dựng 08 sản phẩm OCOP (Trương Xuân Pha, cam Xuân Thành, nem nướng Vinh Lài, bưởi Bắc Lương, dưa vàng Xuân Hòa, hạt sen Nhật, dưa Bạch Ngọc Đường).

- Vùng tả ngạn sông Chu, xây dựng 06 sản phẩm OCOP (Bột sắn dây, mật ong, ngô ngọt, tinh bột nghệ, gạo hữu cơ, miến gạo Xuân Yên).

5. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp

- Phân công, phân cấp rõ ràng, cụ thể nhiệm vụ của từng cấp chính quyền và các phòng, ngành chuyên môn trong việc thực hiện Đề án. Tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về thủ tục hành chính trong việc thực hiện các nội dung hỗ trợ trong sản xuất nông nghiệp.

- Kiện toàn hệ thống tổ chức ngành Nông nghiệp từ huyện đến cơ sở, đặc biệt là đội ngũ cán bộ Khuyến nông, Thú y cơ sở trên địa bàn huyện, tránh tình trạng thiếu đội ngũ cán bộ chuyên môn.

- Rà soát, đánh giá lại đội ngũ cán bộ chuyên môn cấp cơ sở để có cơ sở xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản; tổ chức sản xuất thực phẩm an toàn trên địa bàn. Khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông sản, thủy sản áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

6. Tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách của tỉnh và xây dựng các nội dung hỗ trợ của huyện

Dự kiến vốn ngân sách huyện hỗ trợ: 20,2 tỷ đồng

(Có phụ biểu 03 kèm theo).

6.1. Các cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh:

6.1.1. Hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh

6.1.2. Hỗ trợ hạ tầng khu trang trại chăn nuôi tập trung

6.1.3. Hỗ trợ sản xuất cây ăn quả tập trung

- Hỗ trợ chi phí mua cây giống cây ăn quả
- Hỗ trợ hạ tầng vùng sản xuất cây ăn quả tập trung
- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất cây ăn quả tập trung.
- Hỗ trợ kinh phí hợp đồng thuê cán bộ kỹ thuật

6.1.4. Hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

6.1.5. Hỗ trợ phát triển sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

- Hỗ trợ quảng bá, tuyên truyền; chi phí thiết kế, mua bao bì, nhãn mác hàng hóa; hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm OCOP
- Khen thưởng cho sản phẩm đạt chuẩn OCOP

6.2. Các nội dung hỗ trợ của huyện

6.2.1. Hỗ trợ hạ tầng khu trang trại.

a. Đối tượng hỗ trợ: UBND xã.

b. Điều kiện hỗ trợ:

+ Khu trang trại tổng hợp (trồng cây ăn quả, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất công nghệ cao trong nhà lưới) có diện tích từ 20 ha trở lên, nằm trong vùng quy hoạch khu trang trại và được UBND huyện phê duyệt.

+ Khu trang trại chăn nuôi tập trung có quy mô: 80.000 gà/năm hoặc 300 lợn nái ngoại sinh sản hoặc 3.000 lợn thịt/năm.

+ Khu trang trại đã được đưa vào sử dụng và được các phòng, ngành chuyên môn UBND huyện thẩm định.

c. Nội dung và mức hỗ trợ:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ hệ thống điện hoặc đường giao thông hoặc kênh mương.

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 1.000 triệu đồng/khu. Số khu: 04 khu. Tổng kinh phí hỗ trợ giai đoạn 2021-2025: 04 tỷ đồng.

d. Thời gian hỗ trợ: Giai đoạn 2021 - 2025.

e. Cơ sở tính toán: Căn cứ các Nghị định số: 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số nội dung quản lý dự án đầu tư xây dựng; 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Đối với hệ thống đường giao thông đầu tư mới có thông số như sau:

- Chiều dài tuyến đường 1,2km trở lên; Chiều rộng nền đường: 5,0m; Chiều rộng mặt đường: 3,0m; Kết cấu mặt đường: Đổ bê tông mác 200, dày 0,17m.

- Mương bê tông kích thước 60x70cm, bê tông thành và bê tông đáy dày 15cm, bê tông mác 250, bê tông lót móng dày 10cm.

- Hệ thống điện: Công suất trạm biến áp: 250 KVA; 1,2km đường dây điện.

Tổng kinh phí đầu tư xây lắp cho 1,2km là khoảng 1,5 tỷ đồng; 1,2Km mương khoảng 1,4 tỷ đồng; 1,2km đường điện và trạm biến áp 1,2 tỷ đồng (350 triệu trạm biến áp, 750 triệu đường dây điện). Tổng mức đề nghị hỗ trợ là 1.000 triệu đồng = 76,9% tổng kinh phí xây lắp.

6.2.2. Hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trong nhà màng, nhà lưới.

a. Đối tượng: Hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân.

b. Điều kiện hỗ trợ:

+ Có dự án đầu tư sản xuất hoa, rau, củ, quả trên địa bàn huyện và cam kết tiến độ triển khai dự án.

+ Có trang bị hệ thống tưới (Gồm: máy bơm, dây dẫn, vòi phun...) và hệ thống điện phục vụ sản xuất trong nhà lưới.

+ Quy cách nhà lưới: Cột bê tông cốt thép có kích thước tối thiểu 0,15m x 0,15m x 3,2m làm móng cột hoặc cột bằng ống kẽm tối thiểu phi 60, cao 3,2m; che mưa, che nắng và vây xung quanh bằng lưới mùn 16 lỗ/cm²; giằng dọc mái bằng thép 4 ly; giằng ngang mái bằng thép 2 ly.

+ Có hợp đồng hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm cho vùng sản xuất (Ưu tiên hỗ trợ trước cho những đơn vị có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm).

+ Công trình đã được đưa vào sản xuất và được các phòng, ngành chuyên môn UBND huyện thẩm định.

c. Nội dung và mức hỗ trợ:

- *Nội dung hỗ trợ:* Xây dựng mới nhà màng, nhà lưới để sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

- *Mức hỗ trợ:*

+ Diện tích từ 1ha đến dưới 2ha, hỗ trợ 500 triệu đồng.

+ Diện tích từ 2ha đến dưới 5ha, hỗ trợ 1 tỷ đồng.

+ Diện tích từ 5ha trở lên, hỗ trợ 2 tỷ đồng.

Tổng kinh phí hỗ trợ: 5,3 tỷ đồng.

c. Thời gian hỗ trợ: Giai đoạn 2021-2025.

e. Cơ sở tính toán: Tổng chi phí đầu tư cho 01ha diện tích nhà màng, nhà lưới khoảng 3 tỷ đồng/01ha theo Quyết định số 5643/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về ban hành cơ chế chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020, trong đó có hỗ trợ 50 triệu đồng/1.000 m² diện tích nhà lưới. Vì vậy mức hỗ trợ đề xuất như trên là hoàn toàn phù hợp và thấp hơn mức hỗ trợ của tỉnh.

6.2.3. Hỗ trợ mô hình điểm (cánh đồng mẫu lớn từ 30ha trở lên) để sản xuất cây hàng năm

a. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, HTX.

b. Điều kiện hỗ trợ:

- + Có dự án sản xuất cây hàng năm với quy mô tối thiểu 30ha trở lên.
- + Diện tích khu đất thực hiện Dự án đảm bảo liên vùng, tập trung theo quy định
- + Ưu tiên hỗ trợ trước cho những đơn vị có hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng mua thiết bị máy móc...

c. Nội dung và mức hỗ trợ:

- *Nội dung hỗ trợ:* Hỗ trợ một phần kinh phí để chuyên nhượng quyền sử dụng đất (hoặc thuê đất), mua thiết bị máy móc.

- *Mức hỗ trợ:* Hỗ trợ 01 lần, mức hỗ trợ 1.000 triệu đồng/01 mô hình. Số mô hình: 03 mô hình. Tổng kinh phí hỗ trợ giai đoạn 2021-2025: 03 tỷ đồng.

d. Thời gian hỗ trợ: Giai đoạn 2021 - 2025.

e. Cơ sở đề xuất: Qua khảo sát thực tế chi phí tiền thuê đất khoảng 10 triệu đồng/ha/năm tùy theo địa hình và loại cây trồng; ngoài ra, chi phí sản xuất cho 01ha lúa là 48 triệu đồng, bên cạnh đó cần phải đầu tư máy móc và các thiết bị khác. Tổng kinh phí đầu tư cho 30ha khoảng 2 tỷ đồng. Do đó, đề xuất mức hỗ trợ chi phí thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất lúa theo hướng hữu cơ 1.000 triệu đồng/01 mô hình = 50% tổng chi phí đầu tư.

6.2.4. Hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ

a. Đối tượng: Doanh nghiệp, HTX.

b. Điều kiện hỗ trợ:

- + Có diện tích sản xuất lúa theo hướng hữu cơ từ 20 ha/năm trở lên.
- + Có Kế hoạch/Phương án liên kết sản xuất lúa theo hướng hữu cơ hoặc phương án sản xuất của Doanh nghiệp, HTX được UBND huyện phê duyệt.
- + Có hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm từ 03 năm liên tục trở lên; hợp đồng thuê đất để tập trung đất đai sản xuất từ 5 năm trở lên; hợp đồng mua máy móc thiết bị, giống.

+ Sản xuất lúa theo quy trình VietGAP.

c. Nội dung và mức hỗ trợ:

- *Nội dung hỗ trợ:* Hỗ trợ kinh phí để mua giống, thuê đất, máy móc thiết bị.

- *Mức hỗ trợ*: Hỗ trợ 10 triệu đồng/ha. Diện tích: 200ha. Tổng kinh phí hỗ trợ 2 tỷ đồng.

d. *Thời gian hỗ trợ*: Sau khi được các phòng, ngành chuyên môn UBND huyện thẩm định. Hỗ trợ giai đoạn 2021 - 2025.

e. *Cơ sở tính toán*: Kinh phí đầu tư sản xuất 01ha sản xuất lúa hữu cơ là 48 triệu, tổng kinh phí đầu tư để sản xuất 200ha lúa hữu cơ là 9,6 tỷ đồng. Vì vậy việc hỗ trợ 10 triệu/ha (2 tỷ/200ha) = 20,8% tổng kinh phí đầu tư.

6.2.5. Hỗ trợ thu hút 10 doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp

a. *Đối tượng*: Doanh nghiệp.

b. *Điều kiện hỗ trợ*:

- Có Dự án (Phương án) đầu tư vào các lĩnh vực như sau: Đầu tư vào liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa gạo; liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm rau, củ, quả an toàn; liên kết sản xuất và bao tiêu lợn thịt, gà thịt; chế biến, tiêu thụ sản phẩm; sản xuất nông nghiệp công nghệ cao gắn với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm.

- Ưu tiên hỗ trợ trước cho các đơn vị có hợp đồng chuyển giao công nghệ có trong dự án.

- Có hồ sơ thuê đất hoặc chuyển nhượng đất theo quy định.

c. *Nội dung và mức hỗ trợ*:

+ *Nội dung hỗ trợ*: Hỗ trợ kinh phí để thuê đất, hệ thống điện, đường giao thông, kênh mương và các trang thiết bị.

+ *Mức hỗ trợ*: 500 triệu đồng/mô hình. Số doanh nghiệp hỗ trợ: 10 doanh nghiệp. Tổng kinh phí hỗ trợ giai đoạn 2021-2025: 05 tỷ đồng.

d. *Thời gian hỗ trợ*: Hỗ trợ trong giai đoạn 2021 - 2025.

e. *Cơ sở tính toán*: Tổng chi phí để thuê đất cho 01ha khoảng 10 triệu đồng/ha/năm, chi phí đầu tư xây dựng 01 cơ sở để sơ chế, chế biến các sản phẩm sau thu hoạch khoảng trên 100 tỷ đồng. Hỗ trợ 500 triệu/mô hình chỉ mang tính chất kích cầu, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

6.2.6. Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu chứng nhận gạo Thọ Xuân

a. *Đối tượng hỗ trợ*: Đơn vị trực tiếp thực hiện xây dựng nhãn hiệu chứng nhận gạo Thọ Xuân.

b. *Điều kiện hỗ trợ*:

+ Diện tích sản xuất lúa từ 30 ha trở lên và sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.

+ Là những giống lúa có chất lượng cao nằm trong cơ cấu cây trồng của huyện.

+ Được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa đối với sản phẩm gạo Thọ Xuân.

b. *Mức hỗ trợ*: Hỗ trợ 400 triệu đồng/nhãn hiệu.

c. *Thời gian hỗ trợ*: Giai đoạn 2021-2025.

d. Cơ sở tính toán: Tổng kinh phí để thực hiện Dự án xây dựng nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm Bưởi Bắc Lương là: 1.882,89 triệu đồng (Chi phí thuê khoán lao động trực tiếp, khoán chuyên môn: 680,45 triệu đồng; Chi phí nguyên vật liệu, năng lượng: 933 triệu đồng; Chi phí máy móc, thiết bị: 165 triệu đồng; Chi phí quản lý dự án và các khoản chi khác: 104,44 triệu đồng). Vì vậy việc hỗ trợ 400 triệu đồng cho xây dựng thương hiệu gạo Thọ Xuân = 21,2% tổng kinh phí thực hiện.

6.2.7. Hỗ trợ hệ thống tưới trong sản xuất cây thức ăn chăn nuôi.

a. Đối tượng: Doanh nghiệp, HTX, hộ gia đình cá nhân.

b. Điều kiện hỗ trợ:

- Diện tích sản xuất cây thức ăn chăn nuôi từ 20ha trở lên;
- Có Phương án (Dự án) sản xuất cây thức ăn chăn nuôi được UBND huyện phê duyệt.

- Có cam kết của tổ chức, cá nhân về việc lắp đặt hệ thống tưới.

- Vùng sản xuất phải gần nguồn nước tưới.

- Có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc hợp đồng hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao hoặc tài liệu chứng minh khả năng tự ứng dụng công nghệ của chủ dự án; hóa đơn, chứng từ chứng minh vốn đầu tư ban đầu của dự án đảm bảo theo quy định.

- Hệ thống tưới tối thiểu gồm: Máy bơm nước $Q=36m^3/h$, máy bơm tăng áp 2HP, tủ điện cho máy bơm, đồng hồ đo áp lực nước, van các loại, bộ châm phân, bép meganet, hệ thống ống nhựa PVC.

b. Nội dung và mức hỗ trợ:

- *Nội dung hỗ trợ:* Hỗ trợ một phần kinh phí lắp đặt hệ thống tưới.

- *Mức hỗ trợ:* Hỗ trợ một lần với mức 05 triệu đồng/01 ha. Diện tích: 100ha. Tổng kinh phí hỗ trợ: 500 triệu đồng.

c. Thời gian hỗ trợ: Giai đoạn 2021 - 2025.

d. Cơ sở đề xuất: Qua khảo sát thực tế chi phí xây dựng hệ thống tưới cho 01ha trồng ngô dày là 50 triệu/ha. Do đó, đề xuất mức hỗ trợ chi phí thực hiện mô tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất cây thức ăn chăn nuôi là 05 triệu đồng/01ha = 10% chi phí xây lắp.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN: Ngân sách huyện 20,2 tỷ

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện: Là cơ quan chủ trì, phối hợp với các phòng, ngành và địa phương triển khai thực hiện Đề án. Tổng hợp kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc phát sinh khi triển khai thực hiện Đề án để báo cáo Thường trực UBND huyện. Tham mưu cho UBND huyện trình HĐND huyện ban hành Nghị quyết hàng năm và cả giai đoạn 2021-2025. Phối hợp với

các phòng, ngành có liên quan hướng dẫn các đơn vị về việc thực hiện các nội dung hỗ trợ.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với phòng Nông nghiệp & PTNT hướng dẫn các xã, thị trấn, các tổ chức, cá nhân thực hiện tích tụ đất đai theo đúng các quy định của pháp luật về Luật đất đai. Chủ trì, phối hợp với các phòng, ngành, địa phương rà soát, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch: Tham mưu, bố trí nguồn ngân sách để triển khai thực hiện Đề án theo quy định. Hướng dẫn việc xây dựng dự toán, kinh phí, giải ngân, thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện.

4. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn: Phối hợp các phòng, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn theo chuỗi giá trị, giai đoạn 2021 - 2025.

Nơi nhận:

- TT HU, HĐND huyện (Báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các Ban của HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khoá XX;
- Các phòng, ngành liên quan (Thực hiện);
- Các xã, thị trấn (Thực hiện);
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Dũng